

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/DS-PT  
Ngày 16 tháng 01 năm 2024  
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

*Các Thẩm phán:*

**Bà Giang Thị Cẩm Thuý**

**Ông Lê Thanh Hùng**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Dương Thị Kiều Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Diễm Lệ**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2023/TLPT-DS ngày 7 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 245/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông **Chiêm Quốc T**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp A A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*- Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp A A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Phan Thị V**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp A A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1960

3. Bà **Nguyễn Thị Á**, sinh năm 1981

4. Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1978

5. Anh **Trần Văn K**, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Á, ông L, anh K: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp A A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T1 – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G

(Ông T, ông B, bà Q có mặt; các đương sự khác có yêu cầu xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, ông Chiêm Quốc T, là nguyên đơn trình bày:* Nguồn đất ông T sử dụng trước đây là đất hoang hóa, khoảng năm 1972 (lúc đó ông T khoảng 14 tuổi) thì cha ông tên Chiêm Y và mẹ ông tên Quách Kim H đến địa phương sinh sống và khai phá, nhưng ông T không nhớ khai phá diện tích đất bao nhiêu. Sau khi khai phá thì cha mẹ ông cất nhà ở, phần đất trống xung quanh nhà thì làm vườn và ao đìa. Ông T ở chung với cha mẹ, đến năm 1995 thì ông T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1.690m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất thổ cư và 1.390m<sup>2</sup> đất trồng màu) thuộc thửa đất số 0017, tờ bản đồ số 07 tại xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Khi nhà nước cấp giấy thì ông T không có kê khai mà do cơ quan nhà nước tự làm thủ tục, do đó đã không cấp hết diện tích đất cha mẹ ông khai phá, ông T cũng không biết phần đất cha mẹ ông khai phá mà chưa được cấp giấy nằm ở vị trí nào so với phần đất ông đã được cấp giấy.

Phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có diện tích 145,30m<sup>2</sup> tọa lạc tại Ấp A, xã P, thị xã G thì ông T xác định nằm trong tổng diện tích đất ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 0017, tờ bản đồ số 07 và nằm giáp ranh đất gia đình ông Nguyễn Văn B có hiện trạng trước đây là cái ao, khi cha mẹ ông T lại khai phá đã có sẵn cái ao này. Gia đình ông B cũng đến địa phương khai phá đất giáp với đất gia đình ông T, giữa gia đình ông T và gia đình ông B không có thỏa thuận gì về ranh đất nhưng gia đình hai bên đều sử dụng chung cái ao nên ông T cho rằng ở giữa cái ao là ranh đất. Năm 1995 ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Nhà nước đã cắt giữa cái ao là ranh đất hai bên. Quá trình sử dụng đất ông T có đóng thuế nhưng ông không cung cấp được giấy tờ về việc đóng thuế do đã thất lạc. Sau khi ông T được cấp giấy năm 1995 thì Nhà nước cho xáng mức đất dưới kênh lấp đầy hết nửa cái ao, nửa còn lại thì ông B bồi đắp nên nay không còn hiện trạng ao. Sau khi bồi đắp thì ông B đã cất nhà tạm cho con gái ở trên một nửa cái ao của ông T. Khi cất nhà tạm thì ông T không ngăn cản và cũng không có ý kiến gì với gia đình ông B vì ông T nghĩ ông B chỉ cất nhà tạm bằng cây lá địa phương thì không ảnh hưởng gì, ông T có phụ giúp ông B cất nhà. Tuy nhiên, đến năm 2016, chị Á cất lại nhà kiên cố và các công trình phụ gắn liền trên phần đất nửa cái ao của ông T nên xảy ra tranh chấp.

Nay ông T yêu cầu ông Nguyễn Văn B và vợ là bà Nguyễn Thị Q trả cho ông diện tích đất qua đo đạc thực tế là 145,30m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 0017, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp A xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Chị Nguyễn Thị Á, anh Trần Văn L và cháu Trần Văn K cũng phải có trách nhiệm tháo dỡ, di dời nhà và tài sản khác gắn liền với đất để trả đất nêu trên. Ông T không đồng ý bồi thường công trình hay hỗ trợ di dời gì cho gia đình chị Á, ngoài phần đất lấn chiếm của

ông thì chị Á cũng không còn phần đất thổ cư nào khác. Trên đất tranh chấp có 02 cây bạch đàn và 02 bụi tre ông T xác định do ông T trồng và ông không đặt ra yêu cầu gì với các cây trồng này. Ngoài ra ông T không yêu cầu gì thêm.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B, là bị đơn trình bày:* Vào năm 1971 mẹ ông tên Nguyễn Thị B1 đã đến địa phương Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để khai phá đất hoang, lúc đó ông B 12 tuổi đã bắt đầu biết nhận thức. Gia đình ông B đắp nền nhà để cất chòi lá ở, xung quanh là đất biển bãi hoang hóa, mẹ và các chị em ông đã đào ao để nuôi cá, cải tạo đất. Lúc đó (năm 1971) ở vị trí đất tranh chấp hiện nay có sẵn một cái ao nhưng không thấy ai sử dụng, cái ao đã bị bồi đắp gần bằng mặt đất xung quanh nên gia đình ông B đã nạo vét ao này để nuôi cá, còn phần đất phía bên kia cái ao (đất của ông T hiện nay) thì ông B thấy có cái nền nhà trống, đến năm 1973 thì cha mẹ ông T lại ở. Khi cha mẹ ông T lại ở thì không sử dụng cái ao mà vẫn do gia đình ông B sử dụng. Đến sau tiếp thu 1975 (ông B không nhớ cụ thể năm mấy) thì ông T lại ở phần đất này chung với cha mẹ ông nhưng cũng không sử dụng gì đến cái ao, thời điểm này các chị em gái của ông B cũng lấy chồng nên về ở bên nhà chồng, phần đất gia đình khai phá do ông B quản lý sử dụng nuôi mẹ già. Ông B sử dụng phần đất gia đình khai phá, trong đó có cả cái ao liên tục cho đến năm 1994 thì ông lấp cái ao cất căn nhà tạm bằng cây lá cho con gái ông tên Nguyễn Thị Tú A ở, chị Tú A ở được 04 năm thì đi theo chồng nên năm 1998 ông B sửa nhà cho con gái tên Nguyễn Thị Á ở. Khi ông B lấp ao và cất nhà bằng cây lá và sửa nhà sau này thì ông T không ngăn cản mà còn qua phụ làm nhà. Đến năm 2016 chị Á dỡ nhà cất lại nhà mới như hiện trạng thì ông T không ngăn cản. Đến năm 2017 thì ông T mới tranh chấp. Việc ông B sử dụng đất từ năm 1971 đến nay ở địa phương có nhiều người biết như ông Phạm Văn M, ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N, ông Bùi Văn K1, bà Đoàn Thị H1. Quá trình sử dụng đất ông B có đóng thuế và tại phiên tòa ông cung cấp 02 tờ biên lai thu thuế. Ông B khẳng định là ông không có lấn chiếm đất của ông T nên ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông T. Trên đất tranh chấp giữa ông và ông T có nhà ở, chuồng heo và sân xi măng của con ông là chị Á. Ngoài ra ông B không có yêu cầu gì trong vụ án.

*\* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Đỗ Thanh T1, là đại diện UBND thị xã G trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 7814 ngày 20/11/1995, diện tích đất 1.690m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 0017, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cho ông Chiêm Quốc T cho đến nay chưa có cơ quan nào phát hiện sai sót. Ông T1 đồng ý với kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai trong quá trình xét xử.

- Bà Nguyễn Thị Q trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ chồng bà để lại cho vợ chồng bà, bà không biết diện tích. Đất này vốn trước đây là cái ao, đến năm 1994 vợ chồng bà bồi đắp cất nhà tạm cho con gái tên Nguyễn Thị Tú A ở, chị Tú A ở được 04 năm thì đi theo chồng nên năm 1998 vợ chồng bà sửa nhà cho con gái tên Nguyễn Thị Á ở. Đến năm 2016 chị Á cất

nhà kiên cố cũng trên nền đất cũ. Từ khi vợ chồng bà san lấp mặt bằng đến khi cất nhà cho các con ở không có ai tranh chấp, gia đình ông T cũng không lần nào có ý kiến hay ngăn cản gì, còn qua phụ cất nhà. Bà Q khẳng định là vợ chồng bà không có lần chiếm đất của ông T nên bà không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông T.

- Bà Phan Thị V: Thống nhất với lời trình bày của ông T.

- Bà Nguyễn Thị Á, ông Trần Văn L, anh Trần Văn K, do ông B là đại diện theo ủy quyền: Thống nhất với lời trình bày của ông B.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chiêm Quốc T về việc kiện đòi ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Á, ông Trần Văn L và anh Trần Văn K tháo dỡ, di dời nhà và tài sản khác gắn liền với đất để trả lại phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 145,30m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn ông C1 Quốc Trị kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông, sửa án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Á, ông Trần Văn L và anh Trần Văn K tháo dỡ, di dời nhà và tài sản khác gắn liền với đất để trả lại phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 145,30m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông B, bà Q giữ nguyên lời khai tại tòa án cấp sơ thẩm, thống nhất với nội dung quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, không có ý kiến khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Chiêm Quốc T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông T trong thời hạn luật định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bà V, đại diện UBND thị xã G có đơn yêu cầu xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của ông C1 Quốc Trị yêu cầu ông Nguyễn Văn B và vợ là bà Nguyễn Thị Q trả cho ông diện tích đất qua đo đạc thực tế là 145,30m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 0017, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Ấp A xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Chị Nguyễn Thị Á, anh Trần Văn L và cháu Trần Văn K cùng có trách nhiệm tháo dỡ, di dời nhà và tài sản khác gắn liền với đất để giao trả diện tích đất nêu trên.

Qua đo đạc thực tế phần đất có vị trí và số đo như sau:

- Phần thứ nhất, diện tích 7,9m<sup>2</sup>:

+ Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài: 5,5m.

+ Hướng Tây giáp lộ xi măng, cạnh dài: 5,5m.

+ Hướng Nam giáp đất còn lại của ông B, cạnh dài: 1,4m.

+ Hướng Bắc giáp đất còn lại của ông T, cạnh dài: 1,4m.

- Phần thứ hai, diện tích 137,4m<sup>2</sup>:

+ Hướng Đông giáp lộ xi măng, cạnh dài: 5,5m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Tăng Văn M1, cạnh dài: 1,7m.

+ Hướng Nam giáp đất còn lại của ông B, cạnh dài: 46m.

+ Hướng Bắc giáp đất còn lại của ông T, cạnh dài: 15m + 3,3m + 28,5m.

Phần đất tranh chấp hiện đang do gia đình ông B quản lý sử dụng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Công văn số 68/TNMT ngày 03/4/2023 của phòng Tài nguyên và môi trường thị xã G xác định: Tổng diện tích đất tranh chấp thực tế 145,30m<sup>2</sup> do phần đất tranh chấp quá nhỏ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Chiêm Quốc T cấp theo hệ bản đồ 299 tỷ lệ quá nhỏ: 1/5000 và không thể hiện số đo các cạnh nên không thể xác định được đất tranh chấp có thuộc giấy chứng nhận của ông Chiêm Quốc T hay không. Do đó, việc ông T cho rằng đất tranh chấp nằm trong phần đất ông đã được cấp giấy chứng nhận thuộc thửa đất số 0017, tờ bản đồ 07 là không có căn cứ.

Qua đo đạc thực tế đất ông T đang quản lý, sử dụng là 1.951,5m<sup>2</sup> (chưa tính phần đất tranh chấp), như vậy ông T đang sử dụng đất thực tế lớn hơn phần đất ông được cấp (diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.690 m<sup>2</sup>). Ông T cho rằng khi Nhà nước cấp giấy chưa cấp hết phần đất gia đình ông khai phá, nhưng ông không có căn cứ gì chứng minh cho việc này, và ông xác định từ trước đến nay ông cũng không có khiếu nại gì về việc cấp giấy cho ông ngày 20/11/1995 là còn thiếu diện tích.

Ông T và ông B đều xác định đất tranh chấp trước đây là cái ao, nhưng khi ông T lấp ao cất nhà cho con gái từ năm 1994 đến năm 2016 ông T không ngăn cản, ông T còn xác định trước đây còn qua cất nhà phụ giúp ông B. Những người hiểu biết sự việc tại địa phương là ông Bùi Văn K1 và bà Đoàn Thị H1 xác định: Phần đất tranh chấp trước kia là cái ao do mẹ ông B sử dụng, sau đó ông B san lấp thành nền và cho con ruột sử dụng, mới phát sinh tranh chấp. Căn cứ vào biên bản hòa giải của UBND xã P, thị xã G xác định thời điểm phát sinh tranh chấp là tháng 4/2017. Từ căn cứ nêu trên, có căn cứ xác định gia đình ông B đã quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ năm 1971 đến năm 2017 đã trên 30 năm mà ông T không có tranh chấp gì, ông T cũng không chứng minh được mình có quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chiêm Quốc T yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Á, ông Trần Văn L và anh Trần Văn K tháo dỡ, di dời nhà và tài sản khác gắn liền với đất để trả lại phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 145,30m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Theo khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: *“Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, ông Chiêm Quốc T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi (65 tuổi) xin miễn nộp tiền án phí nên ông T được miễn nộp số tiền án phí này theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 2.590.000 đồng ông Chiêm Quốc T phải chịu toàn bộ, ông Chiêm Quốc T đã dự nộp xong.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[7] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Chiêm Quốc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2023/DS-ST ngày 7 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Điều 164, 166, 175, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chiêm Quốc T về việc kiện đòi ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị Á, ông Trần Văn L và anh Trần Văn K tháo dỡ, di dời nhà và tài sản khác gắn liền với đất để trả lại phần đất có tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 145,30m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Vị trí tiếp giáp theo đo đạc thực tế như sau:

- Phần thứ nhất, diện tích 7,9m<sup>2</sup>:

+ Hướng Đông giáp kênh thủy lợi, cạnh dài: 5,5m.

+ Hướng Tây giáp lộ xi măng, cạnh dài: 5,5m.

+ Hướng Nam giáp đất còn lại của ông B, cạnh dài: 1,4m.

+ Hướng Bắc giáp đất còn lại của ông T, cạnh dài: 1,4m.

- Phần thứ hai, diện tích 137,4m<sup>2</sup>:

+ Hướng Đông giáp lộ xi măng, cạnh dài: 5,5m.

+ Hướng Tây giáp đất ông Tăng Văn M1, cạnh dài: 1,7m.

+ Hướng Nam giáp đất còn lại của ông B, cạnh dài: 46m.

+ Hướng Bắc giáp đất còn lại của ông T, cạnh dài: 15m + 3,3m + 28,5m.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 2.590.000 đồng, ông Chiêm Quốc T phải chịu toàn bộ, ông T đã dự nộp xong.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Chiêm Quốc T được miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Ông Chiêm Quốc T đã

nộp tạm ứng án phí 1.400.000 đồng theo biên lai số 0008709 ngày 12 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Ông T đã nộp đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0014970 ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tăng Trần Quỳnh Phương**